

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn***Công ty mẹ***

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Bộ phận kinh doanh bán buôn và bán lẻ trực thuộc Công ty thương mại đầu tư và phát triển Bình Dương (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) theo Quyết định số 30/2002/QĐ-UB ngày 20 tháng 3 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 3700413826 (số cũ là 4603000041), đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22 tháng 4 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<i>Cổ đông</i>	<i>Vốn góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	607.005.000.000	60,70%
Ông Nguyễn Tấn Lợi	4.350.000.000	0,43%
Ông Lê Minh Tâm	2.921.700.000	0,29%
Ông Đoàn Văn Thuận	3.204.000.000	0,32%
Bà Lê Thị Diệu Thanh	4.350.000.000	0,43%
Các cổ đông khác	378.169.300.000	37,83%
Cộng	1.000.000.000.000	100,00%

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 4 năm 2010 với mã chứng khoán là TDC.

Trụ sở chính:

Địa chỉ : lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (84 – 650) 2 220 666 – 2 220 677
Fax : (84 – 650) 2 220 678
Mã số thuế : 3 7 0 0 4 1 3 8 2 6

Các đơn vị trực thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng Bình Dương	Đường DT 743, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	Đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp cầu kiện bê tông đúc sẵn TDC	Đường Vành đai, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp xây dựng - TDC	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	107 – 109 – 111 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	ấp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Văn phòng giao dịch bất động sản	Đường D1, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Chánh Phú Hòa	Đường DT741, xã Chánh Phú Hòa huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng	73 đường Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sân giao dịch bất động sản Myland tại Bàu Bàng	Đường NC khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Đại lý phân phối hàng hóa cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước. Mua bán hóa chất (không độc hại mạnh), máy móc thiết bị, thiết bị điện, điện tử, vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất. Nhập khẩu và mua bán các thiết bị thể thao;
- Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản. Sân giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản). Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng. Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Gia công chế biến đá xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất cầu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn. Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng kiến trúc;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội ngoại thất công trình;
- Đầu tư tài chính;
- Lập dự án đầu tư. Kinh doanh các công việc phụ trợ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao;
- Tổ chức các trận thi đấu bóng đá;
- Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân	quốc lộ 13, ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	số 3701545462 ngày 06 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	81,58%
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	số 3700650584 ngày 21 tháng 7 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	79,37%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	đường số 8, khu đô thị Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	số 3701535016 ngày 18 tháng 6 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp	69,06%
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Đường D1 – Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Số 3700877200 ngày 13 tháng 02 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	58,00%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Ấp 10, xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Số 3700945605 ngày 10 tháng 7 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư Bình Dương cấp	51,00%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Doanh thu và lợi nhuận kỳ này đều giảm so với kỳ trước chủ yếu là do Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương bàn giao được ít các căn hộ hơn so với kỳ trước.

Trong kỳ, các công ty trong Tập đoàn đã hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình với số tiền là 16.371.377.280 VND làm ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này ([từ trang 08 đến trang 44](#)).

Trong kỳ, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đã phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 4 năm 2012 như sau:

	Số tiền (VND)
- Trích Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	868.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.522.394.987
- Chia cổ tức	200.000.000.000
Cộng	209.390.394.987

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Bùi Thị Lan	Chủ tịch	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Quán Văn Viết Cường	Thành viên	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Ông Đoàn Văn Thuận	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-
Bà Huỳnh Thị Phương Thảo	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Hồng Ty	Trưởng ban	07 tháng 11 năm 2003	-
Bà Nguyễn Ngô Hường Dương	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Văn Thuận	Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Lê Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Phan Minh Lâm	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 02 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Bùi Thị Lan
Chủ tịch

Ngày 30 tháng 08 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0783/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) gọi chung là Tập đoàn gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 22 tháng 8 năm 2012, từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý nêu trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến thuyết minh số VII.8 của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ về việc Tập đoàn xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ của nợ ngắn hạn là 7.706.072.456 VND (số cuối năm trước là 8.098.244.246 VND) được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì được kết chuyển vào chi phí theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Thị Phước Tiên

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1199/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,556,794,865,505	2,510,515,123,507
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	18,140,283,488	65,130,302,923
1. Tiền	111		14,140,283,488	11,130,302,923
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,000,000,000	54,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4,905,152,600	10,727,694,669
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	7,965,009,825	12,593,383,585
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(3,059,857,225)	(1,865,688,916)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,131,676,862,677	1,191,966,869,945
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	1,083,200,480,015	1,060,813,002,161
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	34,412,272,481	120,500,483,134
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	18,711,254,403	15,018,153,627
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(4,647,144,222)	(4,364,768,977)
IV. Hàng tồn kho	140		1,379,282,042,954	1,232,698,047,296
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1,379,282,042,954	1,232,698,047,296
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22,790,523,786	9,992,208,674
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2,231,840,164	414,180,856
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12,884,189,953	8,559,315,269
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.23	71,330,524	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	7,603,163,145	1,018,712,549

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		332,922,490,338	193,439,799,929
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		232,691,677,955	126,416,439,172
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	149,524,832,466	93,399,127,539
<i>Nguyên giá</i>	222		218,515,247,637	138,342,490,960
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(68,990,415,171)	(44,943,363,421)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	9,841,470,381	8,194,781,232
<i>Nguyên giá</i>	228		10,702,900,743	8,944,200,743
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(861,430,362)	(749,419,511)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	73,325,375,108	24,822,530,401
III. Bất động sản đầu tư	240	V.13	1,837,841,335	1,930,505,605
<i>Nguyên giá</i>	241		2,409,271,000	2,409,271,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(571,429,665)	(478,765,395)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		54,576,964,234	59,018,671,467
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	3,416,964,234	8,158,671,467
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	51,160,000,000	50,860,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		41,299,980,882	6,074,183,685
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	39,030,686,370	2,749,466,377
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	1,307,101,657	2,307,070,628
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	962,192,855	1,017,646,680
VI. Lợi thế thương mại	269	V.19	2,516,025,932	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,889,717,355,843	2,703,954,923,436

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,751,694,645,571	1,442,242,802,945
I. Nợ ngắn hạn	310		1,564,045,017,780	1,284,899,543,317
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	173,977,986,483	145,212,273,651
2. Phải trả người bán	312	V.21	362,229,633,482	355,453,129,651
3. Người mua trả tiền trước	313	V.22	310,328,342,555	232,979,067,821
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	10,438,079,318	29,207,137,328
5. Phải trả người lao động	315	V.24	4,522,266,203	4,294,988,584
6. Chi phí phải trả	316	V.25	436,058,232,874	390,350,721,785
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	253,301,075,164	102,582,396,203
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.27	10,018,009,745	23,111,222,968
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.28	3,171,391,956	1,708,605,326
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		187,649,627,791	157,343,259,628
1. Phải trả dài hạn người bán	331		4,040,100,000	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.29	175,783,422,398	150,232,750,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.16	294,385,950	339,904,697
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.30	7,531,719,443	6,770,604,931
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,086,132,526,121	1,250,651,677,717
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,086,132,526,121	1,250,651,677,717
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.31	1,841,123,840	1,841,123,840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.31	4,793,855,523	4,793,855,523
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.31	(7,706,072,456)	(8,098,244,246)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	28,435,349,122	28,435,341,431
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.31	13,620,341,765	13,620,335,656
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	45,147,928,327	210,059,265,513
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.32	51,890,184,151	11,060,442,774
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,889,717,355,843	2,703,954,923,436

Cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	(0)	-
--	-----	---

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

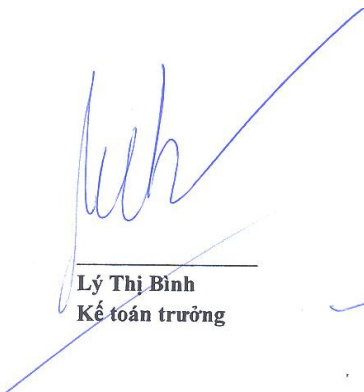
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		14,224,277	14,224,277
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu



Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 22 tháng 8 năm 2012



Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	570,223,901,139	752,174,297,432
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	35,536,708,405	5,544,377,273
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	534,687,192,734	746,629,920,159
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	443,903,604,778	631,466,819,454
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90,783,587,956	115,163,100,705
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14,217,459,002	6,272,732,817
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	19,372,641,626	11,041,377,487
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17,760,810,287	9,812,701,647
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	26,104,546,450	19,425,728,925
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	24,070,965,562	16,568,007,721
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35,452,893,320	74,400,719,389
11. Thu nhập khác	31	VI.7	23,387,828,846	15,760,943,677
12. Chi phí khác	32	VI.8	779,745,243	28,064,299
13. Lợi nhuận khác	40		22,608,083,603	15,732,879,378
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		154,184,883	(40,774,527)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		58,215,161,806	90,092,824,240
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	12,008,375,288	22,439,093,585
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	999,968,971	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45,206,817,547	67,653,730,655
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(1,667,888,959)	478,923,143
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		46,874,706,505	67,174,807,512
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	469	3,195

Bình Dương, ngày 22 tháng 8 năm 2012


 Nguyễn Thị Tuyết Nga
 Người lập biểu


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng


 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		58,215,161,806	90,092,824,240
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		7,861,574,154	6,081,777,483
- Các khoản dự phòng	03	V.3	1,194,168,308	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.7; VI.8	(6,343,747,642)	(4,962,212,365)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	17,760,810,287	9,812,701,647
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		78,687,966,913	101,025,091,005
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		58,626,434,171	(92,203,852,870)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(137,041,522,636)	(258,300,234,376)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		115,871,985,467	173,623,685,718
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,249,384,210)	(687,139,682)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(14,444,984,653)	(42,216,261,927)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.23	(31,529,572,465)	(16,328,755,849)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		35,676,443,976	3,190,800,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(43,092,139,559)	(8,215,788,866)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		61,505,227,004	(140,112,456,847)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(60,113,118,899)	(20,072,067,849)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1,321,087,074	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.15; V.26	(5,100,000,000)	(3,019,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6; VI.3	5,319,077,787	9,112,212,365
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(58,572,954,038)	(13,978,855,484)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

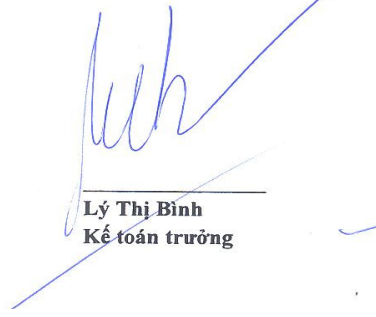
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		2,236,140,275	800,000,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.20; V.29	235,675,998,485	155,964,955,422
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20	(208,747,994,161)	(641,893,183,131)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.31	(79,086,437,000)	(31,228,090,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(49,922,292,401)	282,843,682,291
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(46,990,019,435)	128,752,369,960
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	65,130,302,923	32,670,003,078
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	18,140,283,488	161,422,373,038

Bình Dương, ngày 22 tháng 8 năm 2012


 Nguyễn Thị Tuyết Nga
 Người lập biểu


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng


 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của giữa niên độ Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và kinh doanh bất động sản.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cầu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.
4. **Tổng số các công ty con** : 05
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05
5. **Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân	quốc lộ 13, ấp 6, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	81,58%	81,58%
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	79,37%	79,37%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	đường số 8, khu đô thị Chánh Nghĩa, phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	69,06%	69,06%

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Đường D1 – Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	58,00%	58,00%
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Ấp 10, xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	51,00%	51,00%

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty liên doanh TNHH Sinviet	khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	50,00%	50,00%

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Tập đoàn có 879 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (cuối năm trước là 746 nhân viên).

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong kỳ

Doanh thu và lợi nhuận kỳ này đều giảm so với kỳ trước chủ yếu là do Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương bán giao được ít các căn hộ hơn so với kỳ trước.

Trong kỳ, các công ty trong Tập đoàn đã hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình với số tiền là 16.371.377.280 VND làm ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý (được xác định bằng giá trị sổ sách) thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

và trạng thái hiện tại. Chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	23

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong thời gian từ 02 - 03 năm.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

16. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

17. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 05% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

18. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

19. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

20. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....	05%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

người lao động

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

22. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
30/6/2012 : 20.828 VND/USD

23. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

24. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tập đoàn phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

25. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Tập đoàn phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Tập đoàn có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Tập đoàn phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

26. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

27. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

28. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.205.134.620	791.666.937
Tiền gửi ngân hàng	12.935.148.868	10.338.635.986
Các khoản tương đương tiền ^(*)	4.000.000.000	54.000.000.000
Cộng	18.140.283.488	65.130.302.923

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng. Trong đó, hợp đồng tiền gửi trị giá 3.000.000.000 VND đang được cầm cố tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng này.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		7.965.009.825		12.593.383.585
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	416.609	4.762.267.440	261.409	3.305.620.570
- Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	190.697	3.202.682.385	190.697	3.202.682.385
- Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	6	60.000	445.916	4.921.390.000
- Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	-	-	174.800	1.163.690.630
Cộng		7.965.009.825		12.593.383.585

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu của Công ty cổ phần khoáng sản Becamex: tăng do mua thêm 155.200 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 1.456.646.870 VND.
- Cổ phiếu của Công ty cổ phần bê tông Becamex: giảm do bán cổ phiếu đã đầu tư.
- Cổ phiếu của Công ty cổ phần phát triển đô thị: giảm do bán cổ phiếu đã đầu tư.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	1.865.688.916
Trích lập dự phòng bổ sung	1.194.168.309
Số cuối kỳ	3.059.857.225

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng kinh doanh hàng hoá	285.136.393.478	312.728.317.796
Các khách hàng kinh doanh dịch vụ	1.078.043.094	-
Các khách hàng kinh doanh bất động sản	796.986.043.443	748.084.684.365
Cộng	1.083.200.480.015	1.060.813.002.161

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền kinh doanh bất động sản	32.026.083.842	117.481.084.248
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	1.537.273.769	1.247.294.456
Trả trước của nhà cung cấp khác	30.835.200	1.772.104.430
Trả trước tiền dịch vụ	818.079.670	-
Cộng	34.412.272.481	120.500.483.134

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	-	238.468.798
Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	10.659.250.806	9.749.356.287
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	2.308.945.403	2.071.107.280
Cổ tức phải thu	2.014.372.903	1.814.372.903
Phải thu tiền bán cổ phiếu	540.000.000	-
Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu	486.320.835	486.230.835
Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã chi	1.735.999.250	-
Các khoản phải thu khác	966.365.206	658.617.524
Cộng	18.711.254.403	15.018.153.627

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	96.120.000	166.160.000
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	369.061.485	16.646.240
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	112.854.155	112.854.155
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	4.069.108.582	4.069.108.582
Cộng	4.647.144.222	4.364.768.977

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	4.364.768.977
Tăng do hợp nhất	282.375.245
Số cuối kỳ	4.647.144.222

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	21.886.824.963	15.337.443.939
Công cụ dụng cụ	839.118.586	999.922.689
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.262.156.278.023	1.148.973.545.346
Thành phẩm	3.692.943.028	1.798.571.940

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng hóa	90.706.878.354	65.539.036.348
Hàng gửi bán	-	49.527.034
Cộng	<u>1.379.282.042.954</u>	<u>1.232.698.047.296</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	4.561.963.145	952.712.549
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.041.200.000	66.000.000
Cộng	<u>7.603.163.145</u>	<u>1.018.712.549</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	34.496.742.097	21.535.384.569	79.792.401.389	2.266.341.820	251.621.085	138.342.490.960
Tăng do hợp nhất kinh doanh	26.744.518.947	27.587.621.634	5.044.840.240	279.384.290	9.602.095.385	69.258.460.496
Mua trong kỳ	86.465.100	402.546.000	9.365.343.695	499.894.308	-	10.354.249.103
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.089.881.172	-	163.653.636	-	-	3.253.534.808
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.693.487.730)	-	-	(2.693.487.730)
Số cuối kỳ	<u>64.417.607.316</u>	<u>49.525.552.203</u>	<u>91.672.751.230</u>	<u>3.045.620.418</u>	<u>9.853.716.470</u>	<u>218.515.247.637</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	932.714.953	424.605.885	2.464.716.823	733.647.976	83.261.085	4.638.946.722
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	5.645.259.309	6.489.761.635	31.449.218.792	1.251.911.790	107.211.895	44.943.363.421
Tăng do hợp nhất kinh doanh	4.527.571.252	7.937.560.017	1.768.300.019	150.431.717	1.448.381.023	15.832.244.027
Khấu hao trong kỳ	2.062.236.989	1.834.550.822	5.000.855.832	302.790.630	162.691.513	9.363.125.786
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.148.318.062)	-	-	(1.148.318.062)
Số cuối kỳ	<u>12.235.067.550</u>	<u>16.261.872.474</u>	<u>37.070.056.580</u>	<u>1.705.134.137</u>	<u>1.718.284.431</u>	<u>68.990.415.171</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	28.851.482.788	15.045.622.934	48.343.182.597	1.014.430.030	144.409.190	93.399.127.539
Số cuối kỳ	<u>52.182.539.767</u>	<u>33.263.679.730</u>	<u>54.602.694.650</u>	<u>1.340.486.281</u>	<u>8.135.432.039</u>	<u>149.524.832.466</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 148.718.798.577 VND và 102.696.491.945 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương và Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.800.000.000	144.200.743	8.944.200.743
Tăng do hợp nhất	-	26.200.000	26.200.000
Tăng trong kỳ	1.732.500.000	-	1.732.500.000
Số cuối kỳ	10.532.500.000	170.400.743	10.702.900.743
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	630.666.681	118.752.830	749.419.511
Tăng do hợp nhất	-	16.593.346	16.593.346
Khấu hao trong kỳ	88.000.002	7.417.503	95.417.505
Số cuối kỳ	718.666.683	142.763.679	861.430.362
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.169.333.319	25.447.913	8.194.781.232
Số cuối kỳ	9.813.833.317	27.637.064	9.841.470.381
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	11.678.149.481	41.450.112.516	(10.645.036.964)	(2.133.617)	42.481.091.416
XDCB dở dang	12.957.236.059	20.976.928.805	(3.089.881.172)	-	30.844.283.692
Sửa chữa lớn tài sản cố định	187.144.861	62.101.269	(163.653.636)	(85.592.494)	-
Cộng	24.822.530.401	62.489.142.590	(13.898.571.772)	(87.726.111)	73.325.375.108

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.409.271.000	478.765.395	1.930.505.605
Khấu hao trong kỳ	-	92.664.270	-
Số cuối kỳ	2.409.271.000	571.429.665	1.837.841.335

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	132.000.000	132.000.000
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	92.664.270	92.664.270

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet.

Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trưởng ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
- Công ty cổ phần dược Becamex	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	1.700.000	13.800.000.000	1.700.000	13.800.000.000
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000	1.464.000	14.640.000.000
- Trường đại học quốc tế Miền Đông	1.440.000	14.400.000.000	1.440.000	14.400.000.000
- Công ty cổ phần Bông đá chuyên nghiệp Việt Nam ^(*)	30.000	300.000.000	-	-
Cộng		51.160.000.000		50.860.000.000

(*) Cổ phiếu của Công ty cổ phần Bông đá chuyên nghiệp Việt Nam: tăng do mua 30.000 cổ phiếu với giá mua 300.000.000 VND.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất ^(*)	31.470.291.315	-
Tiền thuê văn phòng	3.008.112.825	301.813.807
Công cụ dụng cụ	3.264.132.572	2.366.400.294
Chi phí khảo sát	415.751.613	-
Chi phí sửa chữa	406.145.767	-
Các chi phí khác	466.252.278	81.252.276
Cộng	39.030.686.370	2.749.466.377

(*) Quyền sử dụng đất 4,3 ha tại nhà máy và 24,5 ha tại khu mỏ khai thác nguyên liệu đất sét đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	2.307.070.628
Hoàn nhập trong kỳ	(999.968.971)
Số cuối kỳ	1.307.101.657

18. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Lợi thế thương mại

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Số đã phân bổ</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.695.742.070	179.716.138	
Số cuối kỳ	2.695.742.070	179.716.138	2.516.025.932

20. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	172.559.523.035	145.078.473.651
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	160.732.064.343	117.580.482.251
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	1.280.000.000	880.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	10.547.458.692	26.617.991.400
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.29)	1.418.463.448	133.800.000
Cộng	173.977.986.483	145.212.273.651

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn công thương – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

(iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương đầu tư mua sắm máy móc thiết bị nhà máy Bàu Bàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	145.212.273.651
Tăng do hợp nhất kinh doanh	22.634.183.958
Số tiền vay phát sinh	214.879.523.035
Số tiền vay đã trả	(208.747.994.161)
Số cuối kỳ	173.977.986.483

21. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	171.278.279.903	156.331.676.696
Phải trả tiền mua máy móc, thiết bị	2.664.435.810	-
Phải trả tiền cung cấp dịch vụ	176.121.499.428	199.121.452.955
Phải trả khác	12.165.418.341	-
Cộng	362.229.633.482	355.453.129.651

22. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	247.877.652.022	225.739.227.009
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ	623.428.830	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	61.827.261.703	7.239.840.812
Cộng	310.328.342.555	232.979.067.821

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	620.718.472	2.967.152.976	157.626.133	(2.892.360.546)	853.137.035
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	2.286.082.408	-	(2.286.082.408)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.596.179.269	-	(4.596.179.269)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	26.415.115.184	12.008.375.289	(59.738.222)	(31.529.572.465)	6.834.179.786
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	2.071.107.280	597.199.736	-	(141.148.312)	2.527.158.704
Thuế thu nhập cá nhân (*)	100.196.392	732.908.278	19.644.370	(708.795.314)	143.953.726
Các loại thuế khác	-	20.000.000	-	(20.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	216.545.160	164.391.256	(372.616.873)	8.319.543
Cộng	29.207.137.328	23.424.443.116	281.923.537	(42.546.755.187)	10.366.748.794

(*) Trong đó, thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên – Kiên Giang Becamex và thuế thu nhập cá nhân của Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt nộp thừa cuối kỳ lần lượt là 47.639.586 VND và 23.690.938 VND được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ bao gồm:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	12.239.083.188
- Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	(230.707.900)
Cộng	12.008.375.288

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Các Công ty trong Tập đoàn phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 02% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính. Các Công ty trong Tập đoàn sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

24. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 còn phải trả.

25. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	46.516.359.375	28.684.751.952
Trích trước chi phí công trình	389.239.649.464	361.627.969.833
Chi phí khác	302.224.035	38.000.000
Cộng	436.058.232.874	390.350.721.785

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	815.986.970	436.109.166
Cổ tức phải trả	121.895.206.124	564.613.124
Thu hộ tiền bán đất cho Becamex	60.635.851.650	59.722.057.650
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	21.074.586.500	22.415.585.750
Nhận ký quỹ môi giới	464.156.024	7.735.073.500
Tiền mua cổ phần	44.460.000.000	4.800.000.000
Tiền rút thăm trúng thưởng	-	2.186.000.000
Góp vốn kinh doanh	2.270.000.000	2.292.000.000
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	180.000.000	190.000.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	977.300.448	690.111.200
Các khoản phải trả, phải nộp khác	527.987.448	1.550.845.813
Cộng	253.301.075.164	102.582.396.203

27. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Số đầu năm	23.111.222.968
Tăng do trích lập trong kỳ	(254.342.103)
Số đã sử dụng	3.683.546.616
Hoàn nhập trong kỳ	(16.371.377.280)
Giảm do thanh lý hợp đồng	(151.040.456)
Số cuối kỳ	10.018.009.745

28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.280.552.269	6.900.789.786	(92.201.900)	1.000.000	(7.949.051.334)	141.088.821
Quỹ phúc lợi	34.528.369	1.893.865.553	-	-	(902.238.000)	1.026.155.922
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	393.524.688	868.000.000	-	-	(993.376.725)	268.147.963
Cộng	1.708.605.326	9.662.655.339	(92.201.900)	1.000.000	(9.844.666.059)	1.435.392.706

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chỉ vượt tại các công ty con được trình bày ở chi tiêu Các khoản phải thu khác với tổng số tiền là 1.735.999.250 VND (xem thuyết minh V.6).

29. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	25.783.422.398	232.750.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱ⁾	21.029.225.450	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	4.754.196.948	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác ⁽ⁱⁱⁱ⁾	150.000.000.000	150.000.000.000
Cộng	175.783.422.398	150.232.750.000

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để thanh toán các chi phí thực hiện dự án đầu tư nhà máy sản xuất cửa nhựa lõi thép Cửa sổ mùa xuân "Fruhlings Fenster".

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để chi trả tiền mua đất của mỏ đất sét. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định và quyền sử dụng đất 4,3 ha tại nhà máy và 24,5 ha tại khu mỏ khai thác nguyên liệu đất sét.

(iii) Khoản vay Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên để đầu tư xây dựng dự án TDC Plaza.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Vay dài hạn ngân hàng	27.201.885.846	1.418.463.448	25.783.422.398	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	150.000.000.000	-	150.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
cá nhân khác				
Cộng	177.201.885.846	1.418.463.448	175.783.422.398	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

Số đầu năm	150.232.750.000
Tăng do hợp nhất	4.754.196.948
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	20.796.475.450
Số cuối kỳ	175.783.422.398

30. Doanh thu chưa thực hiện

Lãi bán nhà trả góp.

31. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục 01 đính kèm trang 44.

Cổ tức

Trong kỳ, các công ty trong Tập đoàn đã chi trả cổ tức như sau:

- Trả cổ tức các năm trước tại Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	78.250.626.000
- Trả cổ tức các năm trước tại Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	835.811.000
Cộng	79.086.437.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản công nợ ngắn hạn.

32. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	11.060.442.774
------------	----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng do hợp nhất kinh doanh	42.497.630.336
Lợi nhuận từ kết quả kinh doanh	(1.667.888.959)
Số cuối kỳ	51.890.184.151

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	570.223.901.139	752.174.297.432
- Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng	152.452.453.164	162.877.782.279
- Doanh thu bán thành phẩm	118.000.733.274	97.384.074.797
- Doanh thu xây dựng, kinh doanh bất động sản	294.656.520.823	488.903.471.316
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.114.193.878	3.008.969.040
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)	(35.536.708.405)	(5.544.377.273)
Doanh thu thuần	534.687.192.734	746.629.920.159
Trong đó:		
- Doanh thu thuần kinh doanh vật liệu xây dựng	152.452.453.164	162.877.782.279
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	118.000.733.274	97.384.074.797
- Doanh thu thuần xây dựng, kinh doanh bất động sản	259.119.812.418	483.359.094.043
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	5.114.193.878	3.008.969.040

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	138.740.397.524	152.035.362.560
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	99.868.614.141	83.635.794.521
Giá vốn xây dựng, kinh doanh bất động sản	201.704.378.852	395.692.921.332
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.590.214.261	102.741.041
Cộng	443.903.604.778	631.466.819.454

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.545.778.389	4.625.762.465
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	187.883.644	907.870.253
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.734.830.600	336.449.900
Lãi bán hàng trả chậm	710.578.543	371.141.199
Lãi đầu tư cổ phiếu	7.842.541.000	-
Doanh thu tài chính khác	195.846.826	31.509.000
Cộng	14.217.459.002	6.272.732.817

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	17.760.810.287	9.812.701.647
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	389.788.578	698.895.878
Lỗ đầu tư cổ phiếu	-	506.618.100
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	1.194.168.308	-
Chi phí khác	27.874.453	23.161.862
Cộng	19.372.641.626	11.041.377.487

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.747.976.145	4.830.320.974
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	541.485.426	1.163.770.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	847.519.096	1.389.497.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.329.295.349	2.452.353.635
Chi phí khác	12.638.270.434	9.589.786.026
Cộng	26.104.546.450	19.425.728.925

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.562.482.787	6.757.546.405
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	777.070.839	337.211.920
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.601.832.841	899.435.797
Thuế, phí và lệ phí	6.865.126	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.750.812.717	750.995.235
Chi phí khác	8.371.901.252	7.822.818.364
Cộng	24.070.965.562	16.568.007.721

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.321.087.074	-
Xử lý vật tư hàng hóa thừa	1.051.466.755	2.107.445.618
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	16.371.377.280	6.579.425.864
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	2.343.455.826	6.809.895.300
Thu nhập khác	2.300.441.911	264.176.895
Cộng	23.387.828.846	15.760.943.677

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	412.133.304	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	246.085.342	-
Chi phí khác	121.526.597	28.064.299
Cộng	779.745.243	28.064.299

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	46.874.706.505	67.174.807.512
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	46.874.706.505	67.174.807.512
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ ^(*)	100.000.000	21.025.641
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	469	3.195

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	100.000.000	20.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 14 tháng 4 năm 2011	-	1.025.641
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	100.000.000	21.025.641

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	165.663.325.058	91.309.032.115
Chi phí nhân công	30.430.836.747	19.506.553.415
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.812.241.155	6.081.777.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.365.802.652	25.064.983.894
Chi phí khác	35.237.475.404	20.276.268.373
Cộng	250.509.681.016	162.238.615.280

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	480.000.000	461.250.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	45.460.200	-
Tiền thưởng	281.000.000	275.000.000
Cộng	806.460.200	736.350.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH Cổ đông đại diện vốn nhà nước một thành viên	
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị - UDJ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty thương mại đầu tư và phát triển TNHH một thành viên		
Bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	63.493.236.405	49.436.638.376
Các khoản khác	-	12.637.085
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	76.739.485.118	253.953.045.051
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Bán nguyên vật liệu	4.632.219.898	20.607.394.706
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Bán nguyên vật liệu	-	4.583.357.552
Mua nguyên vật liệu	425.388.700	-
Công ty cổ phần dược Becamex		
Mua đất nền	55.180.783.775	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Tiền bán nguyên vật liệu	10.690.807.247	48.817.254.473
Ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	62.673.531.692
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương		
Tiền bán nguyên vật liệu	2.951.279.756	42.855.837.868

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Tiền bán nguyên vật liệu	-	572.977.739
Cộng nợ phải thu	<u>13.642.087.003</u>	<u>156.921.119.272</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp		
- TNHH một thành viên		
Thu hộ tiền bán đất	-	59.722.057.650
Phải trả tiền mua đất nền	14.065.953.426	-
Vay dài hạn	150.000.000.000	150.000.000.000
Công ty cổ phần bê tông Becamex		
Tiền mua nguyên vật liệu	467.927.570	-
Công ty cổ phần dược Becamex		
Tiền mua đất nền	64.233.930.000	34.522.710.000
Cộng nợ phải trả	<u>228.767.810.996</u>	<u>215.848.606.260</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại, dịch vụ: kinh doanh vật liệu xây dựng, dịch vụ tư vấn,...
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông nhựa nóng.
- Lĩnh vực xây dựng kinh doanh bất động sản: xây dựng và kinh doanh các căn hộ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở phụ lục 02 đính kèm từ **trang 46 đến trang 48**.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.140.283.488	65.130.302.923	18.140.283.488	65.130.302.923
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	56.065.152.600	61.587.694.669	56.065.152.600	61.587.694.669
Phải thu khách hàng	1.078.553.335.793	1.056.448.233.184	1.078.553.335.793	1.056.448.233.184
Các khoản phải thu khác	12.572.414.944	5.234.049.289	12.572.414.944	5.234.049.289

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cộng	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	1.165.331.186.825	1.188.400.280.065	1.165.331.186.825	1.188.400.280.065
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	366.269.733.482	355.453.129.651	366.269.733.482	355.453.129.651
Vay và nợ	349.761.408.881	295.445.023.651	349.761.408.881	295.445.023.651
Phải trả người lao động	4.522.266.203	4.294.988.584	4.522.266.203	4.294.988.584
Chi phí phải trả	436.058.232.874	390.350.721.785	436.058.232.874	390.350.721.785
Các khoản phải trả khác	263.613.470.859	126.033.523.868	263.613.470.859	126.033.523.868
Cộng	1.420.225.112.299	1.171.577.387.539	1.420.225.112.299	1.171.577.387.539

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Các công ty trong Tập đoàn đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.1, V.10, V.11 và V.16). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	3.000.000.000	33.000.000.000
Phải thu khách hàng, quyền quản lý, nguồn thu dự án Unitown	163.000.000.000	163.000.000.000
Máy móc thiết bị	102.696.491.945	50.339.561.387
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	40.319.855.700	-
Quyền sử dụng đất	40.314.080.000	40.314.080.000
Tiền thuê đất trả trước	31.470.291.315	-
Cộng	380.800.718.960	286.653.641.387

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 30 tháng 6 năm 2012.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Các Công ty trong Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt.

- Đối với khách hàng liên quan đến hoạt động thương mại và sản xuất (chủ yếu liên quan đến Tổng Công ty dầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên và các công ty cùng tập đoàn) nên khả năng thu hồi vốn luôn được đảm bảo.
- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản yêu cầu khách hàng phải thanh toán đầy đủ và đúng tiến độ mới bàn giao nhà cho khách hàng. Riêng đối với trường hợp mua nhà trả trong nhiều năm, bộ phận kinh doanh bất động sản theo dõi chi tiết thời hạn thanh toán để có thể thu tiền cho đúng tiến độ.
- Đồng thời nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc các bộ phận khác để thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	362.229.633.482	4.040.100.000	-	366.269.733.482
Vay và nợ	173.977.986.483	175.783.422.398	-	349.761.408.881
Phải trả người lao động	4.522.266.203	-	-	4.522.266.203
Chi phí phải trả	436.058.232.874	-	-	436.058.232.874
Các khoản phải trả khác	263.319.084.909	294.385.950	-	263.613.470.859
Cộng	1.240.107.203.951	180.117.908.348	-	1.420.225.112.299
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	355.453.129.651	-	-	355.453.129.651
Vay và nợ	145.212.273.651	150.232.750.000	-	295.445.023.651
Phải trả người lao động	4.294.988.584	-	-	4.294.988.584
Chi phí phải trả	390.350.721.785	-	-	390.350.721.785
Các khoản phải trả khác	125.693.619.171	339.904.697	-	126.033.523.868
Cộng	1.021.004.732.842	150.572.654.697	-	1.171.577.387.539

7. Rủi ro thị trường

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, ô 24-29 đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Các công ty trong Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ không đáng kể do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

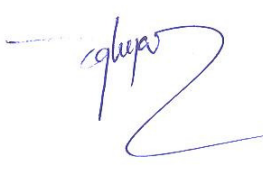
Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8. Những thông tin khác

Như đã trình bày ở thuyết minh IV.22 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tập đoàn áp dụng chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ của các khoản công nợ là 7.706.072.456 VND (số năm trước 8.098.244.246 VND) được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào chi phí như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

Bình Dương, ngày 22 tháng 8 năm 2012


Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	200,000,000,000	2,062,223,840	4,812,860,786	(439,592,214)	28,675,831,702	13,710,055,862	102,264,350,861	351,085,730,837
Tăng vốn trong năm	800,000,000,000	-	-	-	-	-	-	800,000,000,000
Chi phí phát hành	-	(221,100,000)	-	-	-	-	-	(221,100,000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	189,386,555,258	189,386,555,258
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	(1,901,539,580)	(1,901,539,580)
Giảm phân phối các quỹ	-	-	(19,005,263)	-	(240,490,271)	(89,720,206)	343,477,329	(5,738,411)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	-	439,592,214	-	-	-	439,592,214
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(80,000,000,000)	(80,000,000,000)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	(8,098,244,246)	-	-	-	(8,098,244,246)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(33,578,355)	(33,578,355)
Số dư cuối năm trước	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,793,855,523	(8,098,244,246)	28,435,341,431	13,620,335,656	210,059,265,513	1,250,651,677,717
Số dư đầu năm nay	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,793,855,523	(8,098,244,246)	28,435,341,431	13,620,335,656	210,059,265,513	1,250,651,677,717
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	46,874,706,505	46,874,706,505
Tăng do hợp nhất	-	-	-	392,171,790	7,691	6,109	(1,606,801,822)	(1,214,616,232)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	(9,662,655,339)	(9,662,655,339)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(200,000,000,000)	(200,000,000,000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(516,586,531)	(516,586,531)
Số dư cuối kỳ	1,000,000,000,000	1,841,123,840	4,793,855,523	(7,706,072,456)	28,435,349,122	13,620,341,765	45,147,928,327	1,086,132,526,121

Bình Dương, ngày 22 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Thị Tuyết Nga
Người lập biểu

Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của công ty không bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	157,566,647,042	118,000,733,274	259,119,812,418	-	534,687,192,734
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	157,566,647,042	118,000,733,274	259,119,812,418	-	534,687,192,734
Chi phí bộ phận	142,330,611,785	99,868,614,141	201,704,378,852		443,903,604,778
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	15,236,035,257	18,132,119,133	57,415,433,566	-	90,783,587,956
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(50,175,512,012)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					40,608,075,944
Doanh thu hoạt động tài chính					14,217,459,002
Chi phí tài chính					(19,372,641,626)
Thu nhập khác					23,387,828,846
Chi phí khác					(779,745,243)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					154,184,883
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(12,008,375,288)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(999,968,971)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					45,206,817,547
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2,302,976,818	71,086,776,558	7,066,784,952	-	80,456,538,328
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	198,721,171	10,405,253,146	1,869,347,115	-	12,473,321,432
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

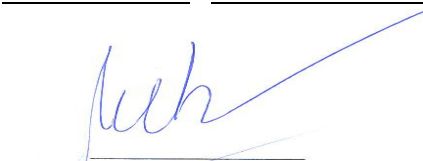
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	161,509,112,748	98,624,008,457	486,496,798,954	-	746,629,920,159
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	161,509,112,748	98,624,008,457	486,496,798,954	-	746,629,920,159
Chi phí bộ phận	155,589,758,425	88,065,124,364	407,237,665,590		650,892,548,379
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5,919,354,323	10,558,884,093	79,259,133,364	-	95,737,371,780
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(16,568,007,721)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					79,169,364,059
Doanh thu hoạt động tài chính					6,272,732,817
Chi phí tài chính					(11,041,377,487)
Thu nhập khác					15,760,943,677
Chi phí khác					(28,064,299)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					(40,774,527)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(22,439,093,585)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					67,653,730,655
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2,312,291,460	478,296,000	-	2,790,587,460
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	24,890,002	1,019,139,921	724,321,570	-	1,768,351,493
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-


 Nguyễn Thị Tuyết Nga
 Người lập biểu


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 22 tháng 8 năm 2012


 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

i n n i a b ph n theo nh v c kinh doanh a Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	306,699,037,510	469,306,775,569	1,927,554,992,289	-	2,703,560,805,368
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					186,156,550,475
Tổng tài sản					2,889,717,355,843
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	356,006,048,849	139,819,206,359	1,071,846,043,360	-	1,567,671,298,568
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					184,023,347,003
Tổng nợ phải trả					1,751,694,645,571
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	330,153,877,386	170,436,311,532	2,017,009,059,486	-	2,517,599,248,404
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					186,355,675,032
Tổng tài sản					2,703,954,923,436
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	285,540,329,692	19,244,950,344	1,087,200,146,848	-	1,391,985,426,884
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					50,257,376,061
Tổng nợ phải trả					1,442,242,802,945


 Nguyễn Thị Tuyết Nga
 Người lập biểu


 Lý Thị Bình
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 22 tháng 8 năm 2012


 Đoàn Văn Thuận
 Tổng Giám đốc